

Số: 30/2019/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) và bổ sung định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 270/TTr-STC ngày 30 tháng 8 năm 2019 về việc đề nghị ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) và bổ sung định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Quyết định này không điều chỉnh đối với xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù quy định tại khoản 1, khoản 7 Điều 17 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ và xe ô tô chuyên dùng tại đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

b) Bổ sung định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Bổ sung định mức xe ô tô phục vụ công tác chung

a) Bổ sung định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh

Văn phòng Tỉnh ủy có chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô: Bổ sung định mức 01 xe/01 đơn vị; các cơ quan, tổ chức, đơn vị còn lại thuộc Tỉnh ủy có chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô bổ sung định mức 01 xe/01 đơn vị. Trường hợp thống nhất Văn phòng cấp ủy phục vụ chung các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, thì bổ sung định mức 01 xe;

Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô: Bổ sung định mức 01 xe/01 đơn vị. Trường hợp thống nhất Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành một văn phòng tham mưu giúp việc chung thì bổ sung định mức 01 xe. Trường hợp thống nhất Văn phòng Hội đồng nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành một văn phòng tham mưu giúp việc chung thì bổ sung định mức 01 xe. Trường hợp thống nhất Văn phòng Hội đồng nhân dân và Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội thành một văn phòng tham mưu giúp việc chung thì bổ sung định mức 01 xe;

Sở, Ban, ngành và các tổ chức tương đương thuộc cấp tỉnh có chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô: Bổ sung định mức 01 xe/01 đơn vị.

b) Bổ sung định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan cấp huyện

Văn phòng Huyện ủy, Thành ủy thuộc tỉnh; Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trực thuộc tỉnh: Bổ sung định mức 01 xe/01 đơn vị để phục vụ công tác cho các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô; trường hợp thống nhất Văn phòng cấp ủy với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện thì bổ sung định mức sử dụng xe ô tô của Văn phòng sau khi hợp nhất 01 xe. Trường hợp thống nhất Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện thì bổ sung định mức sử dụng xe ô tô của Văn phòng sau khi hợp nhất 01 xe.

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị cụ thể thực hiện theo quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng

1. Giao cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được trang bị xe ô tô theo quy định thực hiện việc quản lý xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức; tổ chức hạch toán và công khai chi phí sử dụng xe tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang và các cơ quan có liên quan theo chức năng, thẩm quyền hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện mua sắm, quản lý sử dụng xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh; thực hiện kiểm soát chi mua sắm xe ô tô theo đúng tiêu chuẩn, định mức hiện hành và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm thực hiện mua sắm, quản lý, sử dụng xe ô tô thuộc phạm vi quản lý theo đúng tiêu chuẩn, định mức và các văn bản quy định hiện hành.

3. Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh tại Quyết định này và các văn bản có liên quan, thực hiện rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô hiện có của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương; thực hiện xử lý xe ô tô dôi dư theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật.

a) Sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác các chức danh và xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh. Thời hạn hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2019.

b) Sắp xếp lại, xử lý xe ô tô chuyên dùng

- Trường hợp xe ô tô chuyên dùng hiện có phù hợp với tiêu chuẩn, định mức được ban hành theo quy định tại Điều 3 Quyết định này thì tiếp tục quản lý, sử dụng; số xe này được tính trong tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng được ban hành.

- Trường hợp xe ô tô chuyên dùng hiện có không phù hợp với tiêu chuẩn, định mức được ban hành theo quy định tại Điều 3 Quyết định này thì thực hiện xử lý theo các hình thức quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật.

Việc thực hiện xử lý xe ô tô chuyên dùng không phù hợp tiêu chuẩn, định mức phải hoàn thành chậm nhất 06 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm cập nhật đầy đủ số liệu xe ô tô sau khi rà soát, xử lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo thời hạn quy định.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2019 và bãi bỏ Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành quy định số lượng, chủng loại xe chuyên dùng trang bị cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó CT UBND tỉnh;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Các Ban Đảng của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Ban Kinh tế NS - HĐND tỉnh;
- Như Điều 6 (thi hành);
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Báo Tuyên Quang; Đài PTTH tỉnh;
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng tin học và Công báo;
- Chuyên viên: TH, TC;
- Lưu: VT.

(Báo
cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thế Giang

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 11 năm 2019

PHỤ LỤC
QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC
Xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá)
(Kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Số TT	Tên đơn vị	Tên xe ô tô chuyên dùng	Đối tượng sử dụng	Chủng loại (hoặc tương đương)	Số lượng tối đa (xe/ đơn vị)	Mức giá tối đa (đồng)	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	5
1	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Tuyên Quang						
1.1		Ô tô bán tải	Trung tâm Văn hóa Thông tin, thể thao	Ford Ranger XLS 2.2L 4x2 MT	1	630,000,000	
1.2		Xe ô tô tải	Đội Quản lý trật tự đô thị	Xe tải thùng <=2,5 Tấn	1	350,000,000	
1.3		Xe ô tô bán tải	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên	Kia Frontier 125	1	350,000,000	
1.4		Xe ô tô tải	Hạt Quản lý giao thông		3	630,000,000	
1.5		Xe ô tô trên 16 chỗ	Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị	Huyndai	1	1,330,000,000	
2	Sở Giao thông Vận tải						
2.1	Thanh tra Giao thông	Xe ô tô tải	Thanh tra Giao thông	KIA	2	350,000,000	
		Xe ô tô bán tải		Isuzu D-MAX LS 1.9 (4x2) MT	1	590,000,000	
		Xe ô tô tải		Suzuki	1	300,000,000	
		Xe ô tô tải			5	400,000,000	

Số TT	Tên đơn vị	Tên xe ô tô chuyên dùng	Đối tượng sử dụng	Chủng loại (hoặc tương đương)	Số lượng tối đa (xe/ đơn vị)	Mức giá tối đa (đồng)	Ghi chú
A	B	C	I	2	3	4	5
2.2	Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch lái xe	Xe tập lái	Trung tâm Dạy nghề - Sát hạch lái xe		45	550,000,000	
3	Sở Công Thương	Xe ô tô bán tải	Sở Công Thương	Ford Ranger Wildtrak 2.0L 4x4 AT	1	950,000,000	
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn						
4.1		Xe ô tô bán tải	Chi cục Thủy lợi - Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh	Ford Ranger Wildtrak 2.0L 4x4 AT	1	950,000,000	
4.2		Xe ô tô bán tải	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	Toyota Hilux	1	900,000,000	
4.3		Xe bán tải	Chi cục Phát triển nông thôn	Ford Ranger Wildtrak 2.0L 4x2 AT	1	920,000,000	
4.4		Xe bán tải	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Ford Ranger Wildtrak 2.0L 4x2 AT	1	920,000,000	
4.5		Xe bán tải	Ban Quản lý Rừng phòng hộ Lâm Bình	Toyota HiLux	1	900,000,000	
4.6		Xe bán tải	Ban Quản lý Rừng phòng hộ Na Hang	Ford Ranger Wildtrak 2.0L 4x2 AT	1	920,000,000	
4.7		Xe bán tải	Trung tâm Khuyến nông	Ford Ranger Wildtrak 2.0L 4x2 AT	1	920,000,000	
4.8		Xe bán tải	Đội Kiểm lâm cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng	Ford Ranger Wildtrak 2.0L 4x2 AT	1	920,000,000	
4.9		Xe bán tải	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Ford Ranger Wildtrak 2.0L 4x2 AT	1	920,000,000	

Số TT	Tên đơn vị	Tên xe ô tô chuyên dùng	Đối tượng sử dụng	Chủng loại (hoặc tương đương)	Số lượng tối đa (xe/ đơn vị)	Mức giá tối đa (đồng)	Ghi chú
A	B	C	I	2	3	4	5
4.10		Xe bán tải	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Ford Ranger Wildtrak 2.0L 4x2 AT	1	920,000,000	
4.11		Xe bán tải	Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố	Ford Ranger Wildtrak 2.0L 4x2 AT	1	920,000,000	
4.12		Xe bán tải	Chi cục Kiểm lâm tỉnh	Ford Ranger Wildtrak 2.0L 4x2 AT	2	920,000,000	
5	Sở Tài nguyên và Môi trường						
5.1		Xe bán tải	Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường	Ford Ranger XLT 2.2L 4x4 AT	1	855,000,000	
5.2		Xe bán tải	Văn phòng Đăng ký đất đai	Ford Ranger XLT 2.2L 4x4 AT	1	855,000,000	
6	Sở Xây dựng						
6.1		Xe ô tô bán tải	Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng	Isuzu D-MAX LS 1.9 (4x2) MT	1	590,000,000	
6.2		Xe ô tô bán tải	Trung tâm Quy hoạch xây dựng	Ford Ranger XLS 2.2L 4x2 MT	1	630,000,000	
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội						
7.1		Xe ô tô bán tải	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh	Ford Ranger Wildtrak 2.0L 4x4 AT	1	950,000,000	
7.2		Xe ô tô trên 16 chỗ	Trung tâm Công tác xã hội	Huyndai	1	1,330,000,000	
8	Sở Nội vụ	Xe ô tô bán tải	Ban Thi đua khen thưởng	Ford Ranger Wildtrak 2.0L 4x4 AT	1	950,000,000	

Số TT	Tên đơn vị	Tên xe ô tô chuyên dùng	Đối tượng sử dụng	Chủng loại (hoặc tương đương)	Số lượng tối đa (xe/ đơn vị)	Mức giá tối đa (đồng)	Ghi chú
A	B	C	I	2	3	4	5
9	Sở Tư pháp						
9.1	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	Xe ô tô bán tải	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	Ford Ranger Wildtrak 2.0L 4x2 AT	1	920,000,000	
9.2	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản	Xe ô tô bán tải	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản	Ford Ranger Wildtrak 2.0L 4x2 AT	1	920,000,000	
10	Ban An toàn Giao thông	Xe ô tô bán tải	Ban An toàn Giao thông	Toyota Hilux	1	760,000,000	
11	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang	Xe ô tô trên 16 chỗ	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	Huyndai	1	1,330,000,000	
		Xe chuyên dụng		Xe phát thanh truyền hình lưu động Toyota Landcruise	1	480,000,000	
		Xe chuyên dụng		Xe phát thanh truyền hình lưu động 4 camera HINO 501	1	3,450,000,000	
		Xe ô tô tải		Xe tải thùng <=2,5 Tấn	1	520,000,000	
12	Sở Thông tin và Truyền thông	Xe ô tô bán tải	Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông	Ford Ranger XLT 2.2L 4x4 AT	1	855,000,000	
13	Sở Khoa học và Công nghệ						
13.1	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và Công nghệ	Xe bán tải	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và Công nghệ	Ford Ranger Wildtrak 2.0L 4x2 AT	1	920,000,000	
13.2	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Xe bán tải	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Ford Ranger Wildtrak 2.0L 4x2 AT	1	920,000,000	

Số TT	Tên đơn vị	Tên xe ô tô chuyên dùng	Đối tượng sử dụng	Chủng loại (hoặc tương đương)	Số lượng tối đa (xe/ đơn vị)	Mức giá tối đa (đồng)	Ghi chú
A	B	C	I	2	3	4	5
14	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch						
14.1		Xe ô tô trên 16 chỗ	Bảo Tàng tỉnh	Huyndai	1	1,330,000,000	
14.2		Xe ô tô bán tải	Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng	Bán tải hoán cải chuyên dùng cho chiếu bóng lưu động, xe 2 cầu chủ động...	2	850,000,000	
14.3		Xe ô tô 45 chỗ ngồi	Đoàn Nghệ thuật Dân tộc tỉnh	Huyndai	1	3,000,000,000	
		Xe ô tô 34 chỗ ngồi		Huyndai	1	2,100,000,000	
		Xe ô tô tải		Xe tải 3,5 tấn thùng kín, bửng nâng	1	900,000,000	
14.4		Xe ô tô trên 16 chỗ	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao	Huyndai	1	1,330,000,000	
15	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Xe ô tô bán tải	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Ford Ranger XLS 2.2L 4x2 AT	1	700,000,000	
16	Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ	Xe tập lái	Học viên học lái xe ô tô		45	550,000,000	
17	Trường Đại học Tân Trào						
17.1	Trung tâm thực nghiệm thực hành và chuyển giao khoa học công nghệ	Xe ô tô bán tải	Trung tâm thực nghiệm thực hành và chuyển giao khoa học công nghệ	Ford Ranger Wildtrak 2.0L 4x2 AT	1	920,000,000	
17.2	Trường Đại học Tân Trào	Xe ô tô 45 chỗ ngồi	Trường Đại học Tân Trào	Huyndai	1	3,000,000,000	

Số TT	Tên đơn vị	Tên xe ô tô chuyên dùng	Đối tượng sử dụng	Chủng loại (hoặc tương đương)	Số lượng tối đa (xe/ đơn vị)	Mức giá tối đa (đồng)	Ghi chú
A	B	C	I	2	3	4	5
18	Các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập còn lại nếu có nhiệm vụ đặc thù phải trang bị xe ô tô chuyên dùng	Xe ô tô bán tải	Phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Ford Ranger XLS 2.2L 4x2 MT	1	630,000,000	

* **Ghi chú:** Mức giá tối đa mua xe ô tô trên là mức giá đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật; chưa bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí cấp biển số xe, phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế thì phải tính đủ số thuế được miễn vào giá mua để xác định tiêu chuẩn, định mức./.